

Adjectives

形容词

xíng róng cí

1. Big

大

dà

2. Small

小

Xiǎo

3. Tall

高

gāo

4. Short

矮

ǎi

5. Fat

胖

pàng

6. Skinny

瘦

shòu

7. Old

老

lǎo

8. Young

年轻

nián qīng

9. Stupid

笨

bèn

10. Smart

聪明

cōng míng

11. Slow

慢

màn

12. Fast

快

kuài

13. Near

近

jìn

14. Far

远

yuǎn

15. Good

好

hǎo

16. Bad

坏

huài

17. Ugly

丑

chǒu

18. Pretty

美

měi

19. Light

轻

qīng

20. Dark

暗

àn

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.